

Số /BC-TTĐVNN

Bạch Thông, ngày tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO

Công tác trồng trọt và sinh vật gây hại cây trồng
(Từ ngày 18 tháng 5 đến ngày 24 tháng 5 năm 2022)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Nhiệt độ trung bình: 24⁰C, Cao nhất: 30⁰C, Thấp nhất: 21⁰C.

Độ ẩm trung bình: 80%, Cao nhất: 100%, Thấp nhất: 60%.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng/diện tích kế hoạch (ha)
Cây trồng vụ Xuân		
- Cây lúa	Ôm đòng - trổ bông.	1.200/1.200 KH
- Cây ngô	Trổ cờ, phun râu - chắc hạt.	600/600 KH
- Khoai lang	Phát triển thân lá, củ.	51/51 KH
- Cây rau	Phát triển thân lá - thu hoạch.	240/240 KH
- Cây đậu đỗ	Phát triển thân lá - thu hoạch.	18/18 KH
- Thuốc lá	Thu hoạch.	96,8/80 KH
- Cây dong riềng	Phát triển thân lá.	80/80 KH
- Đậu tương	Phát triển thân lá - quả.	15/15 KH
- Cây lạc	Phát triển thân lá - củ.	25/25 KH
- Cam quýt	Phát triển quả.	1.850 KH

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG KỲ

1. Cây lúa:

- Rầy nâu, rầy lưng trắng (RLT): Mật độ phổ biến 300 - 500 con/m², cá biệt 3.000 con/m²; diện tích nhiễm nhẹ 25 ha, phân bố rải rác tại các xã, thị trấn.

- Bệnh đạo ôn lá: Tỷ lệ hại phổ biến 1 - 2%, cá biệt 10% lá (trên các giống lúa: J02, BC 15, Đại dương 1,...); diện tích nhiễm nhẹ 5 ha (TT. Phú Thông, Vi Hương, Tân Tú,...).

- Bệnh khô vằn: Gây hại trên nhẹ trên các giống lúa: BC 15, J02, Đại dương 1; tỷ lệ hại phổ biến 2 - 3%, cá biệt 20% danh; diện tích nhiễm 8 ha, phân bố rải rác tại các xã, thị trấn.

- Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh đốm sọc vi khuẩn,... gây hại nhẹ.

2. Cây ngô:

Sâu keo mùa thu, bệnh đốm lá, bệnh khô vằn,... gây hại nhẹ.

3. Cây hời:

Bệnh thán thư gây hại tại xã Vũ Muộn.

III. CÔNG TÁC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Cây lúa

*** Biện pháp canh tác:**

Giữ nước trong ruộng khoảng 3 - 4 cm đến khi lúa chín đỏ đuôi; phát quang bờ vùng, bờ thửa.

*** Dự báo:**

Rầy nâu, RLT, bệnh đạo ôn cổ bông, bệnh khô vằn... gây hại.

*** Biện pháp phòng trừ:**

- Rầy nâu, RLT: Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, khi thấy mật độ rầy khoảng 20 con/khóm hoặc 3 con/danh trở lên tiến hành phun trừ bằng 1 trong các loại thuốc như: Sachray 200WP, Pattox 95SP, Gà nòi 95SP, Oshin 20WP, nấm xanh Metharium,... Đối với những diện tích lúa từ giai đoạn trổ bông trở đi, phun trừ rầy bằng một trong các loại thuốc tiếp xúc như: Actara 25WG, Bassa 50EC, Trebon 10EC,... khi phun phải rẽ thành băng để thuốc tiếp xúc trực tiếp với rầy ở gốc lúa.

- Bệnh đạo ôn cổ bông: Theo dõi sát thời tiết để phun phòng trừ kịp thời, nhất là tại những vùng có nguy cơ cao (*diện tích đã bị bệnh đạo ôn lá, diện tích cấy giống lúa nhiễm, diện tích thường xuyên bị nhiễm bệnh trong những vụ trước, năm trước,...*), cần phun phòng trừ bệnh đạo ôn cổ bông khi lúa trổ lác đác, nếu điều kiện thời tiết thuận lợi cho bệnh đạo ôn phát triển thì phun lần hai khi lúa vừa trổ xong, sử dụng một trong các loại thuốc như: Filia®525SE, Trizole 400SC, Fuji-one 40EC,... để phun phòng trừ. Nên phun thuốc vào buổi sáng khi lá lúa đã khô sương hay vào buổi chiều mát, không phun thuốc khi trời sắp mưa hoặc vừa mưa xong, lá lúa còn ướt; những ruộng phun xong gặp mưa cần phun lại.

- Bệnh khô vằn: Khi tỷ lệ bệnh hại cao phun trừ bằng thuốc Anvil 5SC, Validacin 3SL,...

2. Cây cam quýt:

- Tiến hành bón phân lần 2 với lượng phân tính cho 10 cây như sau:

+ Từ 1 - 2 năm: 0,6 - 0,8 kg đạm urê + 1,0 - 1,2 kg kali clorua.

+ Từ 3 - 4 năm: 0,9 - 1,2 kg đạm urê + 1,2 - 1,6 kg kali clorua.

+ Từ 5 - 6 năm trở lên: 1,8 - 2,4 kg đạm urê + 2,4 - 3,2 kg kali clorua.

- Chú ý phòng trừ sâu sâu đục thân/cành, sâu vẽ bùa, nhện, rệp, bệnh nứt thân chảy nhựa, bệnh vàng lá thối rễ,...

3. Cây hồng không hạt:

- Tiến hành bón phân lần 2. Lượng phân tính cho 10 cây như sau:

+ Cây 1 - 3 năm: 0,5 - 0,6 kg đạm + 1,0 - 1,6 kg lân supe + 0,6 - 0,9 kg kali.

+ Từ 4 - 7 năm: 0,7 - 0,8 kg đạm + 1,6 - 2,0 kg lân supe + 1,0 - 1,3 kg kali.

+ Từ 8 - 14 năm: 0,8 - 1,4 kg đạm + 1,6 - 2,0 kg lân supe + 1,0 - 1,5 kg kali.

+ Từ 15 - 20 năm: 1,6 - 2,0 kg đạm + 2,0 - 2,4 kg lân supe + 1,5 - 1,8 kg kali.

+ Trên 25 năm: 2,0 - 2,4 kg đạm + 3,0 - 3,4 kg lân supe + 1,8 - 2,0 kg kali.

- Chú ý phòng trừ bệnh thán thư gây hại.

- Biện pháp phòng trừ: Thường xuyên vệ sinh vườn cây, đặc biệt khi điều kiện thời tiết thuận lợi cho nấm bệnh phát triển. Khi bệnh chớm xuất hiện, tiến hành cắt bỏ và tiêu hủy cành lá, quả bị bệnh. Sử dụng một trong các loại thuốc sau để phun phòng, trừ bệnh: CabrioTop 600WG, Score 250EC, Help 400SC Physan 20SL, Daconil 75WP, Anhet 75 WP,... Những diện tích bị bệnh tiến hành phun 2 - 3 lần, mỗi lần cách nhau 7 - 10 ngày (*liều lượng theo chỉ dẫn trên bao bì*).

4. Cây hồng:

- Chú ý phòng trừ bệnh thán thư gây hại trên cây hồng.

- Biện pháp phòng trừ bệnh thán thư trên cây hồng: Vệ sinh rừng hồng đang bị bệnh gây hại, tiêu hủy những cành lá bị bệnh rụng xuống để tránh bệnh lây lan ra diện rộng.

Phun trừ bằng một trong các loại thuốc sau: Revus Opti 440SC, Cabrio Top 600WG, Daconil 75WP, Ridomil Gold 68WG, Score 250EC,... bệnh hại nặng phải phun lặp lại từ 2 - 3 lần, mỗi lần cách nhau 7 - 10 ngày.

+ Đối với diện tích hồng cây tuổi nhỏ: Chủ động sử dụng các loại máy phun thuốc trừ sâu đeo vai để phun phòng, trừ bệnh ngay khi phát hiện có vết bệnh gây hại.

+ Những diện tích rừng hồi lâu năm, cây cao: Sử dụng các loại máy phun động cơ hoặc máy phun thuốc trừ sâu dạng khói để phun phòng, trừ bệnh.

Chú ý: Không phun thuốc hóa học ở những diện tích hồi đầu nguồn nước, gần khu dân cư. Phun thuốc theo “kỹ thuật 4 đúng”.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

UBND các xã, thị trấn chỉ đạo công chức phụ trách nông lâm nghiệp tăng cường kiểm tra đồng ruộng, phát hiện và hướng dẫn bà con nông phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời (***chú ý rầy nâu - RLT, bệnh đạo ôn gây hại trên cây lúa***).

Nơi nhận:

Bản điện tử:

- Chi cục TT, BVTV & QLCL tỉnh;
- TT Huyện uỷ;
- TT HĐND, UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- Trung tâm VHTT&Truyền thông huyện;
- UBND các xã, thị trấn;

Bản giấy:

- Lưu: TTDVNN.

GIÁM ĐỐC

Lăng Văn Thụy

TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

(Kèm theo Báo cáo số /BC-TTĐVNN ngày /5/2022 của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp)

1. Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		<i>Phổ biến</i>	<i>Cao</i>	<i>Cực bộ</i>		
I	Cây lúa					
	Bệnh đạo ôn	1	5	10	C1-3	TT.Phủ Thông, Vi Hương, Tân tú,...
	Bệnh khô vằn	2	10	20	C1-3	Rải rác ở các xã, thị trấn
	Rầy nâu, RLT	300	1.200	3.000	T3-4	Rải rác ở các xã, thị trấn

2. Diện tích nhiễm SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		<i>Nhẹ</i>	<i>TB</i>	<i>Nặng</i>	<i>MT</i>			
I	Cây lúa							
	Bệnh đạo ôn	7	0	0	0	7	20	TT.Phủ Thông, Vi Hương, Tân tú,...
	Bệnh khô vằn	6	2	0		8	5	Rải rác ở các xã, thị trấn
	Rầy nâu, RLT	21	4	0	0	25	40	Rải rác ở các xã, thị trấn